

DIỄN BIẾN CHỨC NĂNG CỦA TRỢ TỪ NGỮ KHÍ 呢 TRONG TIẾNG HÁN (KIỂM BÀN VỀ HÌNH THỨC CHỮ VIẾT)

Lê Huy Hoàng

Trường Đại học Sư phạm Hoa Đông, Trung Quốc

Tóm tắt: Trợ từ ngữ khí 呢 trong Hán ngữ hiện đại là một trợ từ có tần suất sử dụng cao, các học giả đã nghiên cứu trợ từ này từ nhiều góc độ khác nhau. Từ góc độ ngôn ngữ học lịch sử, một số giả thuyết về nguồn gốc trợ từ này đã được đưa ra. Đa số học giả đồng ý với giả thuyết cho rằng trợ từ 呢 bắt nguồn từ 爾 trong Hán ngữ cổ, sang thời Đường có sự lẫn lộn với một trợ từ khác là 里. Ngoài ra, trước khi có hình thức viết là 呢 như hiện tại, thì trong lịch sử cũng đã xuất hiện nhiều hình thức viết khác nhau. Bài viết này sẽ tổng hợp các ý kiến của học giả đi trước, từ đó cố gắng đưa ra một mô hình hợp lý về diễn biến trong cả chức năng ngữ pháp và hình thức chữ viết của trợ từ này.

Từ khóa: Trợ từ ngữ khí, ngữ pháp hóa, Hán ngữ.

Ngày nhận bài 11.10.2022; phản biện và duyệt đăng ngày 25.11.2022

Liên hệ tác giả: Lê Huy Hoàng; Email: lehuyhoang151286@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

呢 (ne) là trợ từ ngữ khí thường dùng trong tiếng Hán hiện đại. Từ *Diễn Tiến Hán Hiện Đại Đa Chức Năng*^[1] liệt kê một số cách dùng của 呢, bao gồm: 1/ Dùng ở cuối câu nghi vấn (câu hỏi đặc chỉ, câu hỏi tuyển chọn, câu hỏi phản vấn), biểu thị ngữ khí nghi vấn; 2/ Dùng ở cuối câu trần thuật, biểu thị xác nhận sự thật, khiến đối phương tin tưởng; 3/ Dùng ở cuối câu trần thuật, biểu thị hành động hoặc tình huống đang được tiếp diễn; 4/ Dùng ở giữa câu, biểu thị ngừng ngắt, hoặc liệt kê, hoặc làm nổi bật chủ đề, khiến người nghe chú ý đến nội dung tiếp theo. Theo thông lệ, các học giả thường gọi 呢 cuối câu nghi vấn là 呢₁, và những trường hợp khác là 呢₂.

Xét về quá trình diễn biến từ lịch sử tới hiện tại, các học giả vẫn có những ý kiến trái chiều, chủ yếu tập trung vào một số vấn đề sau:

- 呢₁ và 呢₂ có cùng một nguồn gốc hay không?
- Nguồn gốc của 呢 là từ, hay những từ gì?
- Nguồn gốc của 呢 là một thực từ, trải qua quá trình ngữ pháp hóa (grammaticalization) chuyển hóa thành hư từ, hay là một hư từ khác, bắt nguồn từ âm thanh tự nhiên của loài người?
- Quá trình diễn biến của 呢 như thế nào, và thể hiện về mặt chữ viết ra sao?

Bài viết sẽ trình bày một số quan điểm của các học giả đi trước, và cố gắng đưa ra kết luận riêng của người viết, đồng thời làm rõ tiến trình ngữ pháp hóa của trợ từ này.

2. NỘI DUNG

2.1. 爾 (nhĩ) trong Hán ngữ cổ đại

Có nhiều lí do để cho rằng 爾 là nguồn gốc của 呢.

Xét về âm, chữ 爾 được xếp vào thanh mẫu “nhật”, vận mẫu thuộc “chỉ” nhiếp (khai khẩu, tam đẳng). Thanh mẫu “nhật” thường được coi là phụ âm mũi – vòm cứng lỏng, kí âm quốc tế là [ɲ], hoặc [ɲ] (như phụ âm “nh” trong tiếng Việt). Ví dụ Lữ Thúc Tương (Lǚ Shuxiang) trong *Hán Ngữ Cổ Kim Âm Biểu* [2] tái lập âm thượng cổ của 爾 là [ɲiei] (một số chữ thuộc “nhật” mẫu, “chỉ” nhiếp biến thành âm không thanh mẫu và uốn lưỡi trong tiếng phổ thông (“er”), nhưng đó là hiện tượng xuất hiện muộn). 呢 dùng 尼 làm thanh bàng, thuộc về thanh mẫu “ni”, bất kể cổ kim, đều là phụ âm [n], cũng là một âm mũi – vòm cứng.

Vận mẫu thuộc nhiếp “chỉ” là nguyên âm hoặc nhóm nguyên âm trước – cao. Khi âm tiết bị đọc ngắn lại (trợ từ ngữ khí có xu hướng nhược hóa), nhóm nguyên âm trước không có đủ thời gian để phát âm, nên chuyển thành nguyên âm sau (từ nhóm [i] chuyển sang [y/ə]), đồng thời vì không còn nguyên âm trước nên phụ âm lỏng cũng chuyển thành phụ âm chặt [n], như vậy quá trình diễn biến âm sang “ne” [nə] là quá trình giải thích được.

Về mặt ngữ nghĩa, 爾 đã được dùng như một từ ngữ khí trong tiếng Hán cổ, đặt ở vị trí cuối câu, và chỉ có thể giải thích là trợ từ ngữ khí.

Ví dụ trong *Công Dương Truyện* (dưới đây tất cả các trích dẫn từ *Xuân Thu Tam Truyện* đều lấy theo bản dịch chú của Thượng Hải Cổ Tịch xuất bản xã 2016, trích dẫn từ *Lễ Kí* và *Luận Ngữ* lấy theo bản *Võ Anh điện Thập Tam Kinh Chú Sớ*) ta thấy 爾 đi với (yên) tạo thành cụm trợ từ “yên nhĩ”. 爾 ở trong các câu dưới cũng không phải cách viết khác của “nhĩ”耳 (“nhi dĩ”而已 hợp âm mà thành), sách *Giải Hồ* đã có chú thích rõ.

前此則曷為始乎此？托始焉爾。曷為托始焉爾？《春秋》之始也 (Ân Công nhị niên)

(Việc có trước đây vì sao nói là bắt đầu từ đây? Ấy là thác lời nói từ đây vậy. Vì sao lại thác lời mà nói từ đây? Bởi sách *Xuân Thu* ghi chép bắt đầu từ đây.)

Cụm “yên nhĩ” dùng để khẳng định, ngay cả câu hỏi sau (“hạt vi thác thử yên nhĩ?”) cũng chỉ là trích nguyên lại cả câu “thác thử yên nhĩ” đằng trước và thêm từ để hỏi “hạt (vi)” phía sau, chữ “nhĩ” không phải dùng để hỏi. Dù sách *Giải Hồ* (dẫn theo bản dịch chú 2016) có chú “yên nhĩ” dùng để khẳng định, nhưng “yên” không hoàn toàn là từ ngữ khí, vẫn có thể lí giải “yên” là đại từ chỉ thị (“thác thủy yên”: thác lời mà nói bắt đầu từ đây), chỉ có “nhĩ” 爾 chắc chắn là trợ từ ngữ khí.

Ở câu khác, “yên” đã mờ nghĩa hơn, có lẽ vì thế sách *Giải Hồ* cho “yên nhĩ” là một cụm:

紀子伯者何？無聞焉爾。 (Ân Công nhị niên)

(Kì Tử Bá là ai? Chưa nghe thấy bao giờ.)

“Nhĩ” 爾 đứng sau câu phi nghi vấn cũng có thể tìm thấy ở sách khác:

爾毋從從爾！爾毋扈扈爾！ (Lễ Kí – Đản Cung Thượng)

(Người chớ (buộc tóc lên) quá cao! Người chớ (buộc tóc lên) quá lớn!)

“Nhĩ” 爾 đứng sau câu nghi vấn cũng xuất hiện trong tản văn Tiên Tần, cụ thể là trong Công Dương Truyện, Cốc Lương Truyện đều có (Cốc Dương Truyện chỉ có 1 câu):

三月癸酉，大雨震電，何以書？記異也。何異爾？不時也。（Công Dương - Ân Công cửu niên)

(Tháng Ba, Quý Dậu, mưa lớn sấm sét. Sao lại ghi chép chuyện này? Là ghi chuyện lạ vậy. Lạ thế nào? Không đúng thời vậy.)

公薨，何以不書葬？隱之也。何隱爾？弑也。（Ân Công thập nhất niên)

(Công chết, vì sao không chép chuyện tang? Ẩn đi vậy. Vì sao ẩn? Vì bị bề tôi giết.)

公至自圍成，何以致？危之也。何危爾？邊乎齊也。（Cốc Lương - Định Công thập nhị niên)

(Định Công vây đánh ấp Thành về. Vì sao (vây đánh xong) phải đi tế cáo? Vì có nguy vậy. Có nguy gì? (Áp Thành) sát với nước Tề vậy.)

Như vậy, “nhĩ” 爾 trong Hán ngữ cổ, đã được dùng ở cuối câu; xét về nghĩa đã mang nghĩa của 呢; xét về âm cũng có liên hệ mật thiết với 呢. Có thể đặt giả thiết rằng 呢 trong Hán ngữ hiện đại trực tiếp bắt nguồn từ “nhĩ” 爾 trong Hán ngữ cổ đại.

Còn một vấn đề nữa cần bàn đến, là “nhĩ” 爾 vốn dùng như một đại từ nhân xưng ngôi thứ hai (và mở rộng nghĩa sang đại từ chỉ thị). Vậy “nhĩ” 爾 đứng cuối câu làm trợ từ ngữ khí bắt nguồn từ đại từ, hay chỉ mượn chữ để ghi âm, và thực tế đây chỉ là một âm thanh tự nhiên trong khi đối thoại?

Những văn bản như Xuân Thu Tam Truyện (Công Dương, Cốc Lương, Tả Truyện) thuộc về văn viết, thường dùng cách diễn đạt ngắn gọn súc tích hơn khẩu ngữ (Luận Ngữ ghi chép khẩu ngữ là chính), những văn bản này đã dùng “nhĩ” 爾 ở cuối câu, có thể không đơn thuần là âm thanh tự nhiên được ghi chép lại. Tuy vậy, lí do này là không chắc chắn.

Có một số ví dụ cho thấy, “nhĩ” 爾 đứng cuối câu có thể lí giải theo cả 2 hướng: đại từ chỉ thị hoặc trợ từ ngữ khí.

子曰：“女奚不曰：其為人也，發憤忘食，樂以忘憂，不知老之將至云爾。”（Luận Ngữ - Thuật Nhi)

(Thầy Khổng nói: “Sao người chẳng bảo: Người ấy biết phấn mà quên ăn, biết vui mà quên buồn, không biết tuổi già đang tới vậy”.)

Thông thường, khi xuất hiện những trường hợp như vậy, có thể coi đó là hình thức quá độ từ thực từ (đại từ) sang hư từ (trợ từ ngữ khí). Ở ví dụ trên, “nhĩ” trong “vân nhĩ” 云爾 có thể coi như hỏi chỉ về cả cụm vị ngữ (biết phấn mà quên ăn...), tuy nhiên cụm này đã cố định hóa và dùng như cụm trợ từ cuối câu. “Nhĩ” nằm trong những cụm như vậy, nên được xem là hình thức quá độ.

Ngoài ra, Giang Lam Sinh (Jiang Lansheng)^[3] cũng cho rằng, văn bản khoảng thời Hán, Ngụy đến Lục Triều, “nhĩ” 爾 được dùng như cả 呢₁ và 呢₂. Vương Thụ Anh (Wang Shuying) trong một bài đăng năm 2007^[4] cũng đã chỉ ra, văn bản thời Tống dùng lẫn lộn 2 chữ 呢 và 爾,

cho thấy một thời kì quá độ của hình thức âm thanh lẫn chữ viết; tất nhiên không loại trừ khả năng dùng chữ 爾 là do tâm lí sùng cổ, chứ không nhất thiết đã phản ánh đúng thực trạng trong khẩu ngữ.

Như vậy, có thể tạm kết luận rằng, trợ từ ngữ khí 呢 trong Hán ngữ hiện đại, theo cả 2 nghĩa, đều xuất phát từ “nhĩ” 爾 trong Hán ngữ cổ, và là quá trình ngữ pháp hóa từ thực từ (đại từ) sang hư từ (trợ từ).

2.2. Giả thiết về nguồn gốc khác

Cũng có ý kiến khác, như Lữ Thúc Tương (Lü Shuxiang) thông qua văn bản Đường Tông cho rằng 呢₂ bắt nguồn từ một từ chỉ phương vị, là 在裏 (đôi khi rút gọn còn 在 hoặc 裏, tục tự viết là 里 hoặc 哩) (dẫn theo Jiang 1986). Tuy nhiên học giả Nhật Bản Tatsuo Ota phản đối thuyết này, ông cho rằng 在裏 đặt cuối câu biểu thị sự tồn tại của hành động xuất hiện khá muộn sau này, dù 裏 trực tiếp biến đổi thành trợ từ ngữ khí, nhưng nguồn gốc thì không phải là 在裏^[5]. Dầu vậy, vẫn có thể thấy quan điểm của Lữ Thúc Tương và Tatsuo gặp nhau ở một điểm, đó là 呢 có thể bắt nguồn từ một từ phương vị đặt cuối câu.

Không phải học giả nào cũng đồng ý với quan điểm đó. Nhâm Ứng (Ren Ying) cho rằng từ khoảng cuối đời Đường, 呢 (hoặc xuất hiện dưới hình thức chữ viết khác) đã là một trợ từ ngữ khí cố định, rất khó nói 呢 lại tiếp tục diễn biến từ một từ phương vị đặt cuối câu, và coi 呢 (hay hình thức viết khác như 哩) chỉ thuần túy ghi âm^[6]. Trên thực tế, số lượng 哩 xuất hiện là không nhiều, và chủ yếu phân bố như 呢₂^[3].

Như vậy, có 2 khả năng. Thứ nhất là 里/哩 thực sự đã diễn biến từ một từ phương vị, quá trình ngữ pháp hóa đó là tương đối hợp lí: từ phương vị → từ phương vị cuối câu → trợ từ ngữ khí chỉ sự tồn tại → ngữ khí nghi vấn. Sau đó, vì trùng lặp với chức năng của 呢 nên đã hòa nhập làm một. Thời Đường, 在裏/里 xuất hiện và được dùng như 呢₂^[3].

Khả năng thứ hai, 哩 chỉ là một cách ghi âm khác của 呢, việc ghi chữ khác nhau (và âm khác nhau xét theo tiêu chuẩn âm vận) là do tính địa phương tạo nên. Giang Lam Sinh cũng đã chỉ ra, trong cùng một thời kì, tiểu thuyết *Nho Lâm Ngoại Sử* dùng 哩 là chính, còn *Hồng Lôu Mộng* thì chỉ dùng 呢. Tuy nhiên đó là thời kì khá muộn sau này. Thời kì sớm hơn (trước thời kì tiểu thuyết Minh – Thanh) không có nhiều tư liệu khẩu ngữ để khẳng định. Các văn bản thời Tống về trước không cho thấy sự thống nhất cao độ về hình thức chữ viết như hai văn bản kể trên. Chúng tôi tương đối nghi ngờ về khả năng thứ nhất, bởi như nhiều học giả đã chỉ ra, thực sự có dấu hiệu cho thấy (在)裏/里 đã diễn biến về ngữ nghĩa, trở thành trợ từ tương đương với 呢. Sự tranh luận chủ yếu chỉ nằm ở chỗ 在裏 diễn biến được thành 呢, hay chỉ có 裏 mới diễn biến được thành 呢. Lập luận của Tatsuo có vẻ không chính xác lắm, như trên đã nhắc tới, từ thời Đường, 在裏/里 đã xuất hiện và được dùng như 呢₂^[3].

2.3. Diễn biến về hình thức chữ viết

Khi âm đọc có sự thay đổi, hình thức chữ viết sau đó cũng có thể thay đổi theo để phù hợp hơn với âm đọc mới. Khi thanh mẫu của trợ từ 爾 chuyển biến từ âm lỏng sang âm chặt, chữ viết cũng chuyển sang các chữ có thanh mẫu “ni/nương” [n]. Trước khi được thống nhất gần như hoàn toàn vào thời kì hiện đại, hình thức chữ viết tương đối phong phú. Tìm qua thiên tông

ngữ lục thời Đường – Tống (như *Tổ Đường Tập*, *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục*), tạp kịch thời Nguyên, tiểu thuyết thời Minh – Thanh...), có thể bắt gặp một số hình thức như sau:

- 響

仰山便去香巖處賀喜一切後便問：“前頭則有如是次第了也，然雖如此，不息眾人疑。作摩生疑響？將謂預造。師兄已是發明了也。別是氣道造道將來。” (Nam Đường – Tổ Đường Tập)

(Ngưỡng Sơn bèn đến chỗ Hương Nghiêm, sau khi chúc mừng bèn hỏi: “Trước đây đã có cuộc này rồi, nhưng tuy là vậy, cũng không hết khiến mọi người nghi ngờ. Vì sao mà sinh nghi? Người ta sẽ nói rằng chuyện (viết bài kệ) này đoán trước được vậy. Sư huynh đã minh liễu, thì hãy nói chuyện khác xem.”)

Trong *Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục* (bản A.3144, viện Nghiên cứu Hán Nôm) của Việt Nam, cũng có sử dụng, có lẽ ảnh hưởng từ ngôn ngữ trong thiền tông ngữ lục Đường – Tống:

又問：“寂子，那邊有甚麼？”曰：“無物。”“這邊響？”曰：“無物。” (Quyển thượng)

(Lại hỏi: “Tịch, bên kia có gì?” Đáp: “Không có gì.” “Bên này thì sao?” Đáp: “Không có gì.”)

- 你

師云：“背後底你？”無對。 (Tống – Cảnh Đức Truyền Đăng Lục)

(Sư hỏi: “Phía sau thì sao?” Không đáp.)

問：“寂寂無依時如何？”師曰：“寂寂無依底你？” (Tống – Cảnh Đức Truyền Đăng Lục)

(Hỏi: “Khi tịch tịch vô y thì thế nào?” Sư nói: “Tịch tịch vô y ở đâu?”)

(“Tịch tịch vô y” là cụm từ của Thiền tông, chỉ trạng thái trống rỗng khi hoàn toàn nhàn rỗi.)

- 尼

師問：“雲岩作什麼？”對曰：“擔水。”師曰：“那個尼？”對曰：“在”。 (Nam Đường – Tổ Đường Tập)

(Sư hỏi: “Vân Nham đang làm gì?” Đáp rằng: “Gánh nước.” Sư nói: “Cái kia đâu?” Đáp rằng: “Vẫn ở đó.”)

- 那

兄弟，你怎麼忘了那？ (Nguyên – Nguyên khúc)

(Người anh em, sao lại quên rồi?)

- 里/哩

看如今怎奈何劉麟去哩？ (Nam Tống – Thiệu Hưng Giáp Dần Thông Hòa Lục)

(Để xem giờ làm gì được Lưu Lân?)

書上可不知寫著什麼哩？ (Nguyên – Nguyên khúc)

(Trong sách không biết là viết những gì nhỉ?)

- 呢

那第三個孩兒呢？ (Nguyên – Nguyên khúc)

(Thế đứa con thứ ba đâu?)

襲人姐姐呢？ (Thanh – Hồng Lôu Mộng)

(Chị Tập Nhân đâu rồi?)

(Các dẫn chứng trên đều chuyển dẫn từ nghiên cứu của Giang Lam Sinh.)

3. KẾT LUẬN

Trợ từ ngữ khí 呢 trong Hán ngữ hiện đại bắt nguồn từ 爾 trong Hán ngữ cổ, quá trình ngữ pháp hóa đã hoàn thành từ khá sớm, các diễn biến sau này chỉ góp phần mở rộng phạm vi sử dụng của từ mà thôi. Quá trình này có thể được tóm tắt như sau:

Đại từ nhân xưng 爾 → Đại từ chỉ thị 爾 → Đại từ chỉ thị 爾 cuối câu → Trợ từ 爾 → Trợ từ 呢

Ngoài ra, thời Đường xuất hiện thêm một nguồn nữa, là từ 在裏/里, ngữ pháp hóa trở thành trợ từ:

Từ phương vị 在裏 → Từ phương vị cuối câu 在裏 → Trợ từ (rút gọn còn 裏/里/hoặc viết thành 哩) → Hòa nhập vào 呢

Về mặt chữ viết, có 2 xu hướng biến đổi tương đối rõ rệt. Thứ nhất, là thay đổi từ chữ phức tạp, nhiều nét (爾、嚮、裏) sang chữ đơn giản, ít nét (你、尼、呢、里、哩); thứ hai, là có xu hướng tạo chữ mới (thêm bộ Khẩu vào chữ cũ) để tách bạch hẳn từ ngữ khí ra khỏi thực từ.

Cả 2 xu hướng trên xuất hiện, nguyên nhân không chỉ để nhằm mục đích thuận tiện hơn khi viết. Chữ có thể đổi sang cách viết khác, thậm chí là tạo chữ mới, bởi vì ý nghĩa thực từ đã mất đi, chỉ còn lại ý nghĩa hư từ, như vậy người dùng sẽ chỉ cần chữ nào có âm đọc gần giống thế là được, thậm chí cho thêm bộ Khẩu vào trước chữ, để đánh dấu rằng chữ này chỉ lấy âm đọc. Ngoài ra, trợ từ có xu hướng bị đọc ngắn lại, thanh điệu thoái hóa thành thanh nhẹ, nên các chữ vốn có âm đọc vần [-i] (nhiếp “chỉ”) bị đọc thành âm ngắn hơn, không còn rõ [-i] nữa, mà lùi vào trong thành [-ə], nên càng cần thêm bộ Khẩu để ghi âm đọc mới, tách bạch với âm đọc cũ. Thông thường, sự biến đổi về hình thức chữ viết sẽ đi sau biến đổi về ngữ âm, nên khi ngữ âm đã biến đổi, rất có thể người ta vẫn sử dụng lẫn lộn cả cách ghi cũ lẫn cách ghi mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. FENG, Zhichun (2018), *Từ Điển Hán Ngữ Hiện Đại Đa Chức Năng [Z]*, Thành Đô: Tứ Xuyên Từ Thư Xuất Bản Xã.
2. LÜ, Shuxiang (1993), *Hán Ngữ Cổ Kim Âm Biểu*, Bắc Kinh, Trung Hoa Thư Cục, tr.57.
3. JIANG, Lansheng (1986), “Nguồn gốc của ngữ khí từ nghi vấn “ne””, *Tạp chí Nghiên Cứu Ngữ Văn (Trung Quốc)*.
4. WANG, Shuying (2007), “Lại bàn về nguồn gốc ngữ khí từ nghi vấn “ne””, *Tạp chí khoa học Học viện Giáo Dục Phúc Kiến*.
5. TATSUO, Ota (2003), *Văn Pháp Lịch Sử Tiếng Trung Quốc*, Bắc Kinh Đại Học Xuất Bản Xã, Bắc Kinh.
6. REN, Ying (2017), “Lại bàn về chức năng và nguồn gốc của ngữ khí từ “ne””, *Tạp chí Dạy học và Nghiên cứu Ngôn ngữ (Trung Quốc)*.

GRAMMATICAL FUNCTION EVOLUTION OF THE SENTENCE-FINAL PARTICLE "呢" (ALSO ON THE WRITING FORM)

Abstract: *In modern Chinese, the sentence-final particle (SFP) "ne" 呢 is a very frequently used word, which has been discussed by scholars from many angles. From the perspective of historical linguistics, scholars have also put forward several related sources of the word. Most people agree that "ne" comes from the ancient Chinese word for "爾". In Tang Dynasty, it was mixed with the SFP "里". In addition, the word was written in many other forms before it was written in this form. This paper will synthesize the previous views and try to put forward a relatively reasonable evolution process of the word.*

Keywords: *SFP, grammaticalization, Chinese.*